

Số: 1377/QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chi định phòng thử nghiệm

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BTTTT ngày 13/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi định phòng thử nghiệm phục vụ quản lý chất lượng chuyên ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi định phòng thử nghiệm:

Trung tâm Đo kiểm và dịch vụ phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

Thuộc: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

với phạm vi được chi định kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Phòng thử nghiệm có tên tại Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu đối với phòng thử nghiệm được chi định theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 2092/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, phòng thử nghiệm có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

ML

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Minh Hồng

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Trung tâm Thông tin (để ph/h);
- Các Tổ chức chứng nhận hợp quy (để th/h);
- Các Tổ chức kiểm định (để th/h);
- Lưu: VT, KHCN.

PHẠM VI ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(kèm theo Quyết định số 1377/QĐ-BTTTT ngày 05 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

1. Thông tin về phòng thử nghiệm:

Trung tâm Đo kiểm và dịch vụ phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
Thuộc: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

Chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức được quy định tại Quyết định số 1000/QĐ-BTTTT ngày 18/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

Địa chỉ: 110-112 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

2. Phạm vi được chỉ định:

| TT | Danh mục | Quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn, chỉ tiêu kỹ thuật |
|-----------|--|--|
| I | Dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông | |
| 1 | Chất lượng tín hiệu truyền hình số vệ tinh DVB-S và DVB-S2 tại điểm thu | QCVN 79:2014/BTTTT |
| 2 | Chất lượng tín hiệu truyền hình số mặt đất DVB-T2 tại điểm thu | QCVN 83:2014/BTTTT |
| 3 | Dịch vụ IPTV trên mạng viễn thông công cộng cố định | QCVN 84:2014/BTTTT |
| 4 | Tín hiệu truyền hình cáp số DVB-C tại điểm kết nối thuê bao | QCVN 85:2014/BTTTT |
| 5 | Tín hiệu truyền hình cáp tương tự tại điểm kết nối thuê bao | QCVN 87:2015/BTTTT |
| 6 | Tín hiệu truyền hình internet | TCVN 10298:2014 |
| II | Sản phẩm viễn thông và công nghệ thông tin | |
| 7 | Thiết bị phát hình sử dụng công nghệ tương tự | QCVN 17:2010/BTTTT ⁽¹⁾ |
| 8 | Thiết bị phát thanh quảng bá sử dụng kỹ thuật điều biên (AM) | QCVN 29:2011/BTTTT ⁽²⁾ |
| 9 | Thiết bị phát thanh quảng bá sử dụng kỹ thuật điều tần (FM) | QCVN 30:2011/BTTTT ⁽³⁾ |
| 10 | Thiết bị phát hình quảng bá mặt đất sử dụng kỹ thuật số DVB-T | QCVN 31:2011/BTTTT ⁽⁴⁾ |
| 11 | Thiết bị thu phát vô tuyến điện | QCVN 47:2015/BTTTT ⁽⁵⁾ |
| 12 | Thiết bị thu phát vô tuyến sử dụng kỹ thuật điều chế trải phổ trong băng tần 2,4 GHz | QCVN 54:2011/BTTTT |
| 13 | Thiết bị thu truyền hình số mặt đất DVB-T2 | QCVN 63:2012/BTTTT ⁽⁶⁾ |
| 14 | Thiết bị truyền thanh không dây sử dụng kỹ thuật điều tần (FM) băng tần từ 54 MHz đến 68 MHz | QCVN 70:2013/BTTTT ⁽⁷⁾ |
| 15 | Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần 25 MHz-1GHz | QCVN 73:2013/BTTTT |
| 16 | Thiết bị truyền dẫn dữ liệu tốc độ thấp dải tần 5,8 GHz ứng dụng trong lĩnh vực giao thông vận tải | QCVN 75:2013/BTTTT |
| 17 | Thiết bị truyền dẫn dữ liệu tốc độ cao dải tần 5,8 GHz ứng dụng trong lĩnh vực giao thông vận tải | QCVN 76:2013/BTTTT |
| 18 | Máy phát hình kỹ thuật số DVB-T2 | QCVN 77:2013/BTTTT ⁽⁸⁾ |

| TT | Danh mục | Quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn, chỉ tiêu kỹ thuật |
|------------------------------|---|---|
| 19 | Thiết bị thu truyền hình số vệ tinh DVB-S và DVB-S2 | QCVN 80:2014/BTTTT ⁽¹⁾ |
| 20 | Máy phát hình | TCVN 5831:1999 ⁽²⁾ |
| 21 | Máy phát thanh sóng cực ngắn (FM) | TCVN 6850-1:2001 TCVN 6850-2:2001 |
| 22 | Thiết bị Set-top-box trong mạng truyền hình cáp kỹ thuật số | TCVN 8666:2011 |
| III Đài vô tuyến điện | | |
| 23 | Trạm truyền dẫn phát sóng vô tuyến điện | QCVN 8:2010/BTTTT QCVN 9:2010/BTTTT ⁽³⁾ QCVN 32:2011/BTTTT |
| 24 | Đài phát thanh, truyền hình | QCVN 78:2014/BTTTT |
| 25 | Mạng cáp phân phối tín hiệu truyền hình | QCVN 71:2013/BTTTT ⁽⁴⁾ |

Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Không áp dụng đối với các chỉ tiêu tại mục 2.3 của QCVN 17:2010/BTTTT.
- ⁽²⁾ Không áp dụng đối với các chỉ tiêu tại mục 2.3 của QCVN 29:2011/BTTTT.
- ⁽³⁾ Không áp dụng đối với các chỉ tiêu tại mục 2.3 của QCVN 30:2011/BTTTT.
- ⁽⁴⁾ Không áp dụng đối với các chỉ tiêu tại mục 2.1.3 và 2.2 của QCVN 31:2011/BTTTT.
- ⁽⁵⁾ Áp dụng Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia và Thể lệ thông tin vô tuyến thế giới của ITU: áp dụng đối với thiết bị có tần số hoạt động đến 13,5 GHz.
- ⁽⁶⁾ Không áp dụng đối với các chỉ tiêu về tương thích điện từ và an toàn điện của QCVN 63:2012/BTTTT.
- ⁽⁷⁾ Không áp dụng đối với các chỉ tiêu tại các mục 2.3 của QCVN 70:2013/BTTTT.
- ⁽⁸⁾ Không áp dụng đối với các chỉ tiêu về tương thích điện từ của QCVN 77:2013/BTTTT.
- ⁽⁹⁾ Các phép đo yêu cầu thực hiện tại nơi lắp đặt thiết bị.
- ⁽¹⁰⁾ Chỉ áp dụng đối với các chỉ tiêu kỹ thuật về tiếp đất chống sét và tiếp đất bảo vệ của QCVN 9:2010/BTTTT.
- ⁽¹¹⁾ Không áp dụng đối với các chỉ tiêu tại mục 2.1.2 của QCVN 71:2013/BTTTT.